

Số: 1048/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 02 tháng 04 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp” tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức hoạt động của tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Kết luận số 191-KL/TU ngày 17/01/2018 và Thông báo số 937-TB-TU ngày 16/03/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án “Đổi mới, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 113/TTr-SNN ngày 27/03/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Mục tiêu của Đề án

1. Mục tiêu chung

Đổi mới toàn diện về cơ cấu tổ chức, nội dung hoạt động và phương thức quản lý nhằm phát triển đa dạng các tổ chức hợp tác đại diện của nông dân, phù hợp từng lĩnh vực, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, từng bước khắc phục những hạn chế, yếu kém và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt

động của các tổ chức kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ phát triển kinh tế hộ, tăng thu nhập cho các thành viên đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2020

- Phân đầu thành lập mới 10 hợp tác xã, 5 tổ hợp tác và 01 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp sản xuất lúa giống quy mô toàn tỉnh;

- Phân đầu đến năm 2020: 35% thành viên Ban giám đốc hợp tác xã có trình độ đại học, cao đẳng; 100% thành viên Ban giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hợp tác xã, Tổ trưởng tổ hợp tác được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, điều hành. Tất cả cán bộ làm công tác tham mưu quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của hợp tác xã hàng năm được tham gia ít nhất 01 đợt tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức;

- Trên 60% số hợp tác xã liên kết thực hiện dịch vụ cung ứng đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) và trên 20% số hợp tác xã thực hiện dịch vụ tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho thành viên; xây dựng thí điểm 05 mô hình hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác;

- Xây dựng ít nhất 11 mô hình HTX điển hình tiên tiến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, tổng hợp và có liên kết với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị ở các huyện, thị xã, thành phố;

- 100% số tổ hợp tác tổ chức và hoạt động đúng theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác. Khuyến khích các tổ hợp tác phát triển thành hợp tác xã khi đủ điều kiện;

- Phân đầu đến năm 2020: trên 40% hợp tác xã hoạt động xếp loại khá, tốt (trong đó tỷ lệ hợp tác xã tốt trên 10%) và dưới 10% hợp tác xã hoạt động yếu; có ít nhất 10 hợp tác xã điển hình tiên tiến.

2.2. Định hướng đến 2030

a) Giai đoạn 2021 - 2025

Phân đầu đến 2025: trên 50% thành viên Ban giám đốc hợp tác xã có trình độ đại học, cao đẳng; doanh thu bình quân của các hợp tác xã tăng 10% so với năm 2020; lợi nhuận sau thuế bình quân của các hợp tác xã tăng 5% so với năm 2020; trên 50% hợp tác xã hoạt động xếp loại tốt, khá (trong đó tỷ lệ hợp tác xã tốt trên 20%) và 50% hợp tác xã hoạt động xếp loại trung bình; có ít nhất 20 hợp tác xã điển hình tiên tiến.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

Phấn đấu đến 2030: trên 70% thành viên Ban giám đốc hợp tác xã có trình độ đại học, cao đẳng; doanh thu bình quân của các hợp tác xã tăng 12% so với năm 2025; lợi nhuận sau thuế bình quân của các hợp tác xã tăng 8% so với năm 2025; trên 60% hợp tác xã hoạt động xếp loại tốt, khá (trong đó tỷ lệ hợp tác xã tốt trên 30%) và 40% hợp tác xã hoạt động xếp loại trung bình; 100% các sản phẩm chủ lực tại các vùng sản xuất hàng hóa có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác.

II. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế hợp tác

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả.

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt Luật Hợp tác xã năm 2012, các Nghị định, thông tư và các chủ trương, chính sách mới về kinh tế hợp tác cho 100% đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế hợp tác cấp huyện, xã và cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác để nắm vững và nâng cao nhận thức về bản chất của kinh tế hợp tác;

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cho thành viên và người dân hiểu rõ về bản chất, lợi ích của về kinh tế hợp tác trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức phát động phong trào và ký kết giao ước thi đua “Đổi mới, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012 góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020” từ tỉnh đến địa phương; sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện phong trào.

2. Đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác

2.1. Đổi mới, tổ chức lại hoạt động các tổ chức kinh tế hợp tác hiện có

a) Đối với hợp tác xã:

Tiến hành đổi mới, tổ chức lại hoạt động các hợp tác xã theo hướng: tinh gọn bộ máy và nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, kỹ thuật đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, điều hành các hoạt động của hợp tác xã trong tình hình mới; đổi mới nội dung hoạt động và phương thức quản lý hợp tác xã theo hướng chuyển mạnh từ cơ chế quản lý hành chính trước đây sang sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo cơ chế kinh tế thị trường; xử lý dứt điểm nợ khê đọng trong thành viên đồng thời hạn chế nợ mới phát sinh; xây dựng kế hoạch trung hạn và hàng năm phù hợp với đặc điểm, điều kiện của hợp tác xã trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động thêm vốn bằng nhiều hình thức khác nhau.

Cụ thể đối với từng nhóm như sau:

- *Đối với nhóm các hợp tác xã xếp loại tốt, khá:*

+ Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện có; tìm kiếm, nghiên cứu thị trường để phát triển thêm các dịch vụ, ngành nghề mới từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của hợp tác xã trong cơ chế thị trường;

+ Củng cố mối quan hệ với các doanh nghiệp hiện có; đẩy mạnh hợp tác, mở rộng quy mô liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Đối với nhóm các hợp tác xã xếp loại trung bình:

+ Hướng dẫn xây dựng, bổ sung phương án hoạt động theo hướng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động hiện có, nhất là tăng khả năng đáp ứng nhu cầu về dịch vụ của thành viên đồng thời mở thêm các dịch vụ, ngành nghề mới như: quản lý chợ, cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn...

+ Hỗ trợ các hợp tác xã tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng; huy động thêm vốn góp từ thành viên; vốn liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác đồng thời củng cố, mở rộng dịch vụ tín dụng nội bộ nhằm tăng nguồn vốn hoạt động.

+ Tích cực chủ động tìm kiếm thị trường, đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp từng bước thực hiện việc liên doanh, liên kết để tổ chức cho thành viên và nông dân sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực tại địa phương.

+ Khuyến khích hợp nhất, sáp nhập các hợp tác xã có quy mô liên thôn trên cùng địa bàn thành hợp tác xã có quy mô toàn xã để tinh gọn bộ máy, nâng cao năng lực về vốn, kinh nghiệm tổ chức, quản lý điều hành hoạt động.

- Đối với nhóm các hợp tác xã xếp loại yếu:

+ Tổ chức lại nội dung hoạt động hợp tác xã theo hướng đơn giản; đảm bảo đáp ứng được các dịch vụ cơ bản nhất là các dịch vụ đầu vào như: quản lý điều tiết nước, khuyến nông, làm đất, cung ứng giống cây trồng, phân bón, ...

+ Tập huấn, hướng dẫn hợp tác xã thực hiện tốt chế độ quản lý tài chính, công khai minh bạch sổ sách kế toán nhằm tăng cường củng cố mối quan hệ giữa hợp tác xã với thành viên để huy động thêm vốn góp mở thêm các dịch vụ mới.

+ Có kế hoạch hợp nhất, sáp nhập các hợp tác xã quy mô thôn hoạt động kém hiệu quả vào các hợp tác xã trên cùng địa bàn hoặc chuyển sang hình thức THT dùng nước đối với hợp tác xã chỉ hoạt động dịch vụ thủy lợi; giải thể các hợp tác xã yếu kém kéo dài, hợp tác xã ngừng hoạt động, tồn tại trên hình thức.

d) Đối với tổ hợp tác:

Tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ hợp tác hiện có củng cố, hoàn thiện lại tổ chức và hoạt động đúng theo quy định của Chính phủ; Khuyến khích, vận động các tổ hợp tác phát triển thành hợp tác xã khi đủ điều

kiện. Hàng năm, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức năng lực quản lý điều hành hoạt động cho các Tổ trưởng tổ hợp tác.

2.2. Xây dựng và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp

a) Thành lập mới các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp

Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, tổ hợp tác ở những nơi có đủ điều kiện, nông dân tự nguyện và có nhu cầu, nhất là các hợp tác xã, tổ hợp tác chuyên ngành ở những vùng sản xuất hàng hóa tập trung hoặc ở những xã xây dựng nông thôn mới còn trống hợp tác xã. Năm 2020, thành lập 01 Liên hiệp hợp tác xã ngành hàng lúa giống trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến

Giai đoạn 2018-2020, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở, ngành liên quan lựa chọn 01 HTX/huyện, thị xã, thành phố xây dựng mô hình HTX điển hình tiên tiến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, tổng hợp và có liên kết với doanh nghiệp tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Phấn đấu đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có ít nhất 11 mô hình HTX điển hình tiên tiến trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, tổng hợp.

Năm 2020, các địa phương tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá hiệu quả các mô hình, đúc rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng trong các giai đoạn tiếp theo.

c) Xây dựng và phát triển các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của địa phương thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác

Xây dựng thí điểm 05 mô hình hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị ngành hàng thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác như mô hình: cánh đồng lớn đối với cây mía, chuỗi bò thịt chất lượng cao, nuôi tôm thương phẩm chất lượng cao, sản xuất trên biển gắn khai thác với cung ứng dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm rừng trồng. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả các mô hình, đúc rút kinh nghiệm và nhân ra diện rộng đối với các sản phẩm khác.

d) Nhân rộng và phát triển mô hình dịch vụ cung ứng tập trung và tiêu thụ tập trung qua hợp tác xã

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các hợp tác xã xây dựng và phát triển các dịch vụ cung ứng tập trung và tiêu thụ tập trung trên cơ sở có hợp đồng liên kết ổn định với doanh nghiệp. Phấn đấu đến năm 2020, có khoảng 30% số hợp tác xã tổ chức thực hiện được dịch vụ cung ứng đầu vào và khoảng 10% số hợp tác xã thực hiện dịch vụ tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho thành viên theo hình thức tập trung.

đ) Hàng năm, tổ chức hội thảo, tọa đàm (4 đợt/năm) giữa các Giám đốc hợp tác xã, tổ trưởng tổ hợp tác theo chuyên đề nhằm tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý và điều hành hợp tác xã, tổ hợp tác; Tổ chức hội thi cán bộ quản lý giỏi trong hợp tác xã (năm 2020);

3. Bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho các hợp tác xã, tổ hợp tác; kiện toàn và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn làm công tác tham mưu quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác các cấp

3.1. Bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho các hợp tác xã, tổ hợp tác

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành cho cán bộ chủ chốt các hợp tác xã, tổ trưởng tổ hợp tác;

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực trẻ về làm việc tại hợp tác xã theo Quyết định 2261/TTg của Thủ tướng Chính phủ; giai đoạn 2018-2020, lựa chọn 5 hợp tác xã để ưu tiên thực hiện thí điểm;

- Tổ chức tham quan và học tập thực tế tại các mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả để trao đổi, chia sẻ học tập kinh nghiệm.

3.2. Kiện toàn và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn làm công tác tham mưu quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác các cấp

a) Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên môn làm công tác tham mưu quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác các cấp (tỉnh, huyện, xã) theo hướng có phòng chuyên môn và đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ mạnh để tham mưu, đề xuất đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

b) Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn làm công tác tham mưu quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác các cấp:

- Tổ chức và cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác do tỉnh, Trung ương tổ chức;

- Định kỳ tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề về mô hình hợp tác xã kiểu mới; trao đổi, thảo luận những khó khăn, vướng mắc và giải pháp xử lý các tình huống điển hình phát sinh trong thực tiễn để nâng cao năng lực, kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức, quản lý kinh tế hợp tác;

- Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm thực tế tại các mô hình quản lý kinh tế hợp tác có hiệu quả tại một số tỉnh, thành trong nước.

4. Về vốn, huy động vốn và các nguồn lực khác để phát triển các hình thức kinh tế hợp tác

4.1. Về vốn, huy động vốn

a) *Thu hồi nợ của thành viên*: UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về thu hồi nợ trong hợp tác xã nông nghiệp để làm cơ sở các cấp, các ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo và các hội, đoàn thể tham gia hỗ trợ các hợp tác

xã đẩy mạnh công tác thu hồi nợ trong thành viên nhất là các khoản nợ khó đòi tồn đọng lâu năm; Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tập trung hướng dẫn từng hợp tác xã rà soát, phân loại nợ, đối tượng nợ, nội dung nợ cụ thể để có biện pháp xử lý phù hợp, đạt hiệu quả như xóa nợ, giảm nợ cho phù hợp với từng đối tượng. Đến năm 2019, 100% hợp tác xã trên địa bàn tỉnh không còn nợ khó đòi.

b) Huy động vốn

- Huy động thêm vốn góp của thành viên; khuyến khích, hướng dẫn các HTX hình thành, phát triển hoạt động dịch vụ tín dụng nội bộ để chủ động bổ sung nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã;

- Về vay vốn, huy động vốn từ các nguồn lực khác: Hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng các phương án, dự án dịch vụ, sản xuất, kinh doanh có tính khả thi cao để vay vốn từ các tổ chức tín dụng hoặc huy động thêm vốn từ việc liên kết với các thành phần kinh tế khác như: hộ kinh doanh, chủ trang trại, doanh nghiệp... cũng như thu hút các cá nhân, tổ chức gia nhập vào hợp tác xã.

4.2. Huy động các nguồn lực khác để phát triển các hình thức kinh tế hợp tác

- Ưu tiên tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp tham gia thực hiện các chương trình, dự án trong nông nghiệp của địa phương;

- Lồng ghép, kết hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác;

- Tranh thủ sự tài trợ, hỗ trợ về tài chính và cơ sở vật chất của các tổ chức, cá nhân; đầu tư của các doanh nghiệp để hỗ trợ phát triển các hình thức kinh tế hợp tác.

5. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước về kinh tế hợp tác

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường phổ biến, triển khai, giúp đỡ hợp tác xã tiếp cận và thụ hưởng có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về kinh tế hợp tác như:

- Chính sách đất đai;

- Chính sách thuế;

- Các chính sách theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

- Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ;

- Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chính sách tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chỉ đạo của chính quyền các cấp và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể nhân dân đối với kinh tế hợp tác trong nông nghiệp

III. Nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2018 - 2020 là **35.153,602** triệu đồng

Trong đó:

- **Vốn ngân sách nhà nước: 32.793,602 triệu đồng.**
- + *Vốn trung ương: 13.433,570 triệu đồng;*
- + *Vốn địa phương: 19.360,032 triệu đồng;*
- Vốn ngân sách tỉnh: 14.850,032 triệu đồng;
- Vốn ngân sách huyện: 4.510,000 triệu đồng;
- **Vốn đối ứng của HTXNN: 2.360,000 triệu đồng.**

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

b) Tư vấn thành lập mới và tư vấn xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả cho các hợp tác xã nông nghiệp; xây dựng các mô hình hợp tác, liên kết gắn tổ chức sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản chủ lực của địa phương thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác.

c) Phối hợp xây dựng các mô hình hợp tác xã nông nghiệp điển hình tiên tiến hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh tổng hợp và có liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ hàng hóa nông nghiệp phù hợp với từng địa phương.

d) Phối hợp triển khai, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; tổng hợp nhu cầu, hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nông nghiệp báo cáo UBND tỉnh; phối hợp với Liên minh hợp tác xã xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực đối với hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp.

đ) Tham mưu UBND tỉnh triển khai Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm

2012 góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn giai đoạn 2017-2020” trên địa bàn tỉnh và tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào.

e) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Liên minh hợp tác xã tỉnh hàng năm tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương và vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh, tham mưu lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án liên quan đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở kế hoạch cụ thể thực hiện hàng năm của Đề án, tiến hành thẩm định, rà soát, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối nguồn kinh phí để thực hiện Đề án cho phù hợp với điều kiện ngân sách của địa phương.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất theo quy định và giải quyết việc giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất cho các hợp tác xã nông nghiệp.

5. Sở Nội vụ

Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn tổ chức bộ máy làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở các cấp theo quy định của pháp luật.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các chính sách hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác về các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường từ nguồn kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh. Thường xuyên tổ chức gặp gỡ giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh với các hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại để tìm hiểu, đẩy mạnh việc ký kết hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có thế mạnh của tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh các dự án ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp quảng bá và xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm thế mạnh tại địa phương.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện ưu tiên thuận lợi cho các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trong việc vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đại chúng, báo chí địa phương tuyên truyền, phổ biến pháp luật về kinh tế hợp tác nhiều hình thức nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức đối với vị trí, vai trò kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

10. Cục Thuế tỉnh Bình Định

Chỉ đạo thống nhất Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các tổ chức kinh tế hợp tác trên địa bàn thực hiện đầy đủ các điều kiện, thủ tục để được hưởng chính sách miễn, giảm thuế theo quy định hiện hành.

11. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các nội dung, giải pháp của Đề án.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng và thực hiện các hoạt động tư vấn phát triển, đào tạo, hỗ trợ cho cán bộ và thành viên hợp tác xã.

c) Hướng dẫn các hợp tác xã có nhu cầu hoàn thiện các thủ tục, điều kiện để vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh theo quy định.

d) Phối hợp triển khai, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển hợp tác xã; tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến, phát động phong trào thi đua trong các hợp tác xã là thành viên của Liên minh.

đ) Tổng hợp các vướng mắc, kiến nghị của các hợp tác xã và thành viên hợp tác xã trong quá trình thực hiện để báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành có biện pháp tháo gỡ kịp thời, tạo điều kiện các hợp tác xã tiếp tục phát triển.

12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể xây dựng chương trình hoạt động cụ thể để phối hợp, tham gia thực hiện tốt nội dung của Đề án.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Giao trách nhiệm phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (phòng Kinh tế) xây dựng kế hoạch, tiến độ thực hiện và tổ chức hướng dẫn các tổ chức kinh tế hợp tác trên địa bàn; theo dõi, kiểm tra tình hình, kết quả tổ chức triển khai thực hiện Đề án báo cáo kịp thời UBND huyện, thị, thành phố chỉ đạo.

b) Chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác tại địa phương gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới. Hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng, tập

huấn; xúc tiến thương mại; ứng dụng khoa học - công nghệ; thành lập mới, hợp nhất hợp tác xã, tổ hợp tác; giải thể các hợp tác xã ngừng hoạt động nhiều năm theo quy định của pháp luật về hợp tác xã.

c) Xây dựng ít nhất 01 mô hình HTX điển hình tiên tiến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, tổng hợp có hiệu quả và có liên kết với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị trên địa bàn huyện.

d) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn có hợp tác xã nông nghiệp tập trung hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã đẩy mạnh công tác thu hồi nợ tạo điều kiện hợp tác xã thu hồi vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

đ) Đưa các chỉ tiêu phát triển kinh tế hợp tác vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cho từng xã, phường, thị trấn nhằm tăng cường hơn nữa công tác quản lý chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương đối với kinh tế hợp tác.

e) Chỉ đạo giải quyết các hợp tác xã ngừng hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả, giải thể hoặc chuyển sang hình thức tổ chức hoạt động khác theo quy định.

f) Rà soát quy hoạch, dành quỹ đất cho các hợp tác xã để xây dựng trụ sở, mặt bằng sản xuất kinh doanh; trên cơ sở các chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế hợp tác và yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn; chủ động bổ sung các chính sách, quy định của địa phương nhằm khuyến khích thành lập và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác.

g) Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tổ chức phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về chủ trương, chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế hợp tác.

h) Lồng ghép các nguồn vốn để triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án trên địa bàn; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

14. Ủy ban nhân dân cấp xã

Tăng cường phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân về chủ trương, chính sách, pháp luật đối với phát triển kinh tế hợp tác. Có kế hoạch hỗ trợ, giúp đỡ các hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển một cách thiết thực, hiệu quả. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

15. Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong nông nghiệp

Thực hiện đổi mới về hình thức tổ chức, nội dung hoạt động và phương thức quản lý theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác. Chấp hành và vận dụng cơ chế chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với kinh tế hợp tác để xây dựng phương án củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động cho phù hợp,

đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Định kỳ báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Thông tin – Truyền Thông, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Định, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Định, Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Hội ND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (40b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu